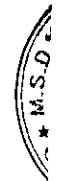


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)	10

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0105926285 ngày 26 tháng 6 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi gần nhất (lần 4) vào ngày 6 tháng 5 năm 2016.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

**Đại diện Đài Truyền hình Việt Nam
Chủ sở hữu VTVcab**

Ông Hoàng Ngọc Huân Chủ tịch

Ban Lãnh đạo

Ông Hoàng Ngọc Huân	Chủ tịch, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Sơn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Huy Năm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Ông Đinh Trung Dũng	Phó trưởng ban

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hoàng Ngọc Huân Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 844, Đường La Thành, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Lãnh đạo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

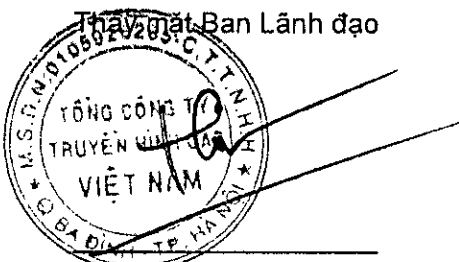
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI ĐẠI DIỆN ĐẠI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM, CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Lãnh đạo phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

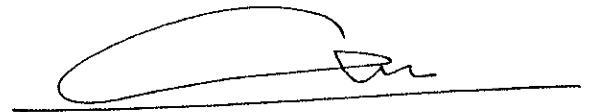
Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn (không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước) vượt quá tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty là 314.426.650.917 Đồng Việt Nam (1/1/2016: 162.781.772.718 Đồng Việt Nam). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Khắc Thế
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2043-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Hoàng Phan Quang
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3839-2016-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1759
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		825.265.769.195	736.014.618.588
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	63.844.399.523	82.495.098.843
111	Tiền		63.844.399.523	82.495.098.843
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	2.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		261.418.925.883	276.517.684.933
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	173.786.368.679	199.183.707.051
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	42.295.583.434	38.120.842.190
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	62.820.730.740	59.115.910.090
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(17.552.241.886)	(20.323.601.068)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		68.484.916	420.826.670
140	Hàng tồn kho		365.915.176.213	319.853.135.602
141	Hàng tồn kho	8	366.610.764.242	320.273.611.407
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(695.588.029)	(420.475.805)
150	Tài sản ngắn hạn khác		134.087.267.576	54.648.699.210
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	91.026.372.619	36.434.665.430
152	Thuế GTGT được khấu trừ		25.317.311.506	17.085.600.678
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		17.743.583.451	1.128.433.102

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.583.859.390.912	1.265.505.870.331
210	Các khoản phải thu dài hạn		29.334.330.880	29.354.830.880
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	29.334.330.880	29.354.830.880
220	Tài sản cố định		633.919.934.255	550.954.943.853
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	601.934.454.649	524.520.904.138
222	Nguyên giá		1.688.914.117.101	1.347.421.166.567
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.086.979.662.452)	(822.900.262.429)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	31.985.479.606	26.434.039.715
228	Nguyên giá		64.248.080.098	43.326.309.959
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.262.600.492)	(16.892.270.244)
240	Tài sản dở dang dài hạn		135.991.646.279	156.343.920.740
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	135.991.646.279	156.343.920.740
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		298.481.928.788	188.015.881.100
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	161.003.588.788	161.003.588.788
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	137.478.340.000	8.203.340.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	-	76.985.587.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	-	(58.176.634.688)
260	Tài sản dài hạn khác		486.131.550.710	340.836.293.758
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	485.615.593.987	328.831.306.737
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	515.956.723	12.004.987.021
270	TỔNG TÀI SẢN		2.409.125.160.107	2.001.520.488.919

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.936.118.901.320	1.550.709.726.162
310	Nợ ngắn hạn		1.329.097.828.531	1.120.261.109.613
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13(a)	489.708.877.393	482.986.279.795
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14(a)	189.405.408.419	221.464.718.307
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	15	2.150.479.005	12.395.753.894
314	Phải trả người lao động		61.352.697.180	60.634.271.736
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	22.352.965.311	39.020.807.680
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	127.003.678.455	58.105.768.551
320	Vay ngắn hạn	18(a)	400.952.430.224	182.825.244.619
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	36.171.292.544	62.828.265.031
330	Nợ dài hạn		607.021.072.789	430.448.616.549
331	Phải trả người bán dài hạn	13(b)	179.029.247.690	217.643.025.735
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	14(b)	116.917.024.655	13.919.381.438
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	18.508.793.482	17.613.572.259
338	Vay dài hạn	18(b)	290.147.272.512	179.585.385.867
342	Dự phòng phải trả dài hạn		2.418.734.450	1.687.251.250
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		473.006.258.787	450.810.762.757
410	Vốn chủ sở hữu		473.006.258.787	450.810.762.757
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	458.000.000.000	440.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	15.006.258.787	10.810.762.757
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	-	-
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.409.125.160.107	2.001.520.488.919



Nguyễn Hoàng Giang
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Trình bày lại)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.056.107.094.602	1.838.743.445.072
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.065.199.435)	(1.320.295.118)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.045.041.895.167	1.837.423.149.954
11	Giá vốn hàng bán	(1.465.820.844.203)	(1.319.966.124.407)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.221.050.964	517.457.025.547
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21.025.162.634	20.803.701.923
22	Chi phí tài chính	(38.945.328.405)	(86.150.462.536)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(39.126.861.703)	(21.366.529.701)
25	Chi phí bán hàng	(196.588.714.314)	(168.171.576.229)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(283.161.066.954)	(206.937.464.496)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81.551.103.925	77.001.224.209
31	Thu nhập khác	1.305.899.487	4.385.684.622
32	Chi phí khác	(837.671.820)	(776.313.489)
40	Lợi nhuận khác – số thuần	468.227.667	3.609.371.133
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.019.331.592	80.610.595.342
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.941.323.898)	(23.545.742.270)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(11.489.030.298)	8.339.143.863
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.588.977.396	65.403.996.935



Nguyễn Hoàng Giang
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	82.019.331.592	80.610.595.342
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	279.449.730.271	259.583.811.626
03	Các khoản dự phòng	(2.525.389.828)	38.851.172.932
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	447.097.010	2.842.471.786
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(20.527.858.394)	(20.748.516.553)
06	Chi phí lãi vay	39.126.861.703	21.366.529.701
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	377.989.772.354	382.506.064.834
09	Tăng các khoản phải thu	(108.862.785.288)	(109.897.769.944)
10	Tăng hàng tồn kho	(46.337.152.835)	(78.175.300.176)
11	Tăng các khoản phải trả	29.122.082.422	157.590.616.281
12	Tăng chi phí trả trước	(211.375.994.439)	(3.609.140.357)
14	Tiền lãi vay đã trả	(38.534.320.610)	(21.867.687.088)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(28.512.785.808)	(25.805.495.464)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(26.511.184.204)	300.741.288.086
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(326.560.847.830)	(418.149.627.792)
24	Thu hồi cho vay	2.500.000.000	6.402.708.107
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.230.923.754	20.289.167.868
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(305.829.924.076)	(391.457.751.817)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	627.367.040.631	327.229.576.542
34	Chi trả nợ gốc vay	(298.677.968.381)	(243.952.523.226)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(15.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	313.689.072.250	83.277.053.316
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(18.652.036.030)	(7.439.410.415)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	82.495.098.843	89.913.221.087
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.336.710	21.288.171
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	63.844.399.523	82.495.098.843

(*) Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính bao gồm:

- Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI bằng cách cân trừ công nợ với khoản phải thu về phí sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà với số tiền là 111.275.000.000 Đồng Việt Nam (Thuyết minh 4(b)).
- Đài Truyền hình Việt Nam đã tăng vốn góp của chủ sở hữu và Tổng Công ty bằng cách chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện với số tiền là 18.000.000.000 Đồng Việt Nam sang cho Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

Nguyễn Hoàng Giang
Người lập

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng

Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam ("Tổng Công ty" hay "VTVcab") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Tiền thân của Tổng Công ty là Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật cáp trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV") được thành lập ngày 20 tháng 9 năm 1995. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty được sửa đổi gần nhất (lần 4) vào ngày 6 tháng 5 năm 2016.

Tổng Công ty là một công ty TNHH Một thành viên sở hữu toàn bộ bởi Đài Truyền hình Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua-bán bản quyền; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết là:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề chính	% sở hữu
Công ty con (Thuyết minh 4(a))			
- Công ty CP Công nghệ Việt Thành	TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	51%
- Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình	51%
Công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))			
- Công ty CP VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	39%
- Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	25%
- Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 38 chi nhánh (2015: 36 chi nhánh) và có 2.144 nhân viên (2015: 2.109 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Danh sách các chi nhánh của VTVcab tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Chi nhánh	STT	Chi nhánh
1	Chi nhánh VTVcab Phú Thọ (*)	20	Chi nhánh VTVcab Cần Thơ
2	Chi nhánh VTVcab Miền Trung (*)	21	Chi nhánh VTVcab Long An
3	Chi nhánh VTVcab TP HCM	22	Chi nhánh VTVcab Bình Dương (*)
4	Chi nhánh VTVcab Tiền Giang	23	Chi nhánh VTVcab Bắc Giang (*)
5	Chi nhánh VTVcab Thái Nguyên (*)	24	Chi nhánh VTVcab Huế
6	Chi nhánh VTVcab Hưng Yên	25	Chi nhánh VTVcab Sóc Trăng
7	Chi nhánh VTVcab Lào Cai	26	Chi nhánh VTVcab Trà Vinh
8	Chi nhánh VTVcab Lai Châu	27	Chi nhánh VTVcab Đồng Tháp
9	Chi nhánh VTVcab Hà Giang	28	Chi nhánh VTVcab Bến Tre
10	Chi nhánh VTVcab Điện Biên	29	Chi nhánh VTVcab Bạc Liêu
11	Chi nhánh VTVcab Bắc Kạn	30	Chi nhánh VTVcab Khánh Hòa
12	Chi nhánh VTVcab Ninh Thuận	31	Chi nhánh VTVcab Quảng Nam
13	Chi nhánh VTVcab Bình Thuận	32	Chi nhánh VTVcab Ninh Bình (*)
14	Chi nhánh VTVcab Hậu Giang	33	Chi nhánh VTVcab Phú Quốc (*)
15	Chi nhánh VTVcab An Giang	34	Chi nhánh VTVcab Đồng Nai
16	Chi nhánh VTVcab Bà Rịa - Vũng Tàu	35	Chi nhánh VTVcab Bình Phước
17	Chi nhánh VTVcab Vĩnh Phúc	36	Chi nhánh VTVcab Quảng Ninh
18	Trung tâm Truyền hình khách sạn	37	Chi nhánh VTVcab Quảng Trị (*)
19	Chi nhánh VTVcab Thanh Hóa (*)	38	Chi nhánh VTVcab Cà Mau (*)

(*) Đây là các chi nhánh mà Tổng Công ty hợp tác kinh doanh để vận hành và khai thác các mạng truyền hình cáp.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn (không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước) vượt quá tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty là 314.426.650.917 Đồng Việt Nam (1/1/2016: 162.781.772.718 Đồng Việt Nam), trong đó có 101.219.766.617 Đồng Việt Nam (1/1/2016: 27.776.621.694 Đồng Việt Nam) là các khoản phải trả các công ty liên quan (Thuyết minh 31(b)). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban lãnh đạo đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

(d) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của Tổng Công ty với một hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Trừ khi có thỏa thuận nêu rõ trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, tài sản cố định do các bên góp vốn cùng xây dựng chung (mạng truyền hình cáp) để tiến hành hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sẽ được bàn giao sang cho một bên vận hành và kinh doanh. Bên vận hành và kinh doanh sẽ ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản cố định đầu tư chung này là tài sản cố định của mình còn phần vốn góp của đối tác sẽ ghi nhận là khoản phải trả dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình. Bên còn lại sẽ ghi phần góp vốn xây dựng tài sản bàn giao là khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình.

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của Hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh được ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên Báo cáo tài chính của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư (tiếp theo)

(d) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh. Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20% - 4%
Máy móc thiết bị	
- Mạng truyền hình cáp	33,33% - 10%
- Máy móc, thiết bị khác	33,33% - 20%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33,33% - 20%
Phần mềm	33,33% - 20%

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý nhượng bán, và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Phân phối lợi nhuận thuần của Tổng Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Việt Nam và theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ bản quyền

Thu nhập từ bản quyền được ghi nhận theo nguyên tắc trích trước phù hợp với nội dung của các thỏa thuận có liên quan.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi mà Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng và chi phí bảo hành sản phẩm.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Tiền mặt	2.277.357.722	810.839.914
Tiền gửi ngân hàng	61.567.041.801	81.684.258.929
	<u>63.844.399.523</u>	<u>82.495.098.843</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Công nghệ Việt Thành (sở hữu 51%) (i)	144.683.588.788	-	144.683.588.788	-
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (sở hữu 51%) (ii)	16.320.000.000	-	16.320.000.000	-
	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>

(i) Công ty CP Công nghệ Việt Thành

Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 19 tháng 12 năm 2016. Vốn điều lệ của VITA là 105.000.000.000 Đồng Việt Nam. Trong đó, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VITA là tiến hành các hoạt động viễn thông có dây, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, cung cấp dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.

(ii) Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam

Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (“VTVlive”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2012 và thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần thứ 7 ngày 8 tháng 9 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 8) ngày 21 tháng 12 năm 2015. Vốn điều lệ của VTVlive là 32.000.000.000 Đồng Việt Nam. Trong đó, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. VTVlive hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ truyền thông, truyền hình; đầu tư phát triển các hạ tầng truyền thông đa phương tiện; phát triển công nghiệp nội dung số, cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện; và cung cấp nội dung và phát triển mạng lưới.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (sở hữu 25%) (i)	111.275.000.000	-	-	-
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (sở hữu 20%) (ii)	18.000.000.000	-	-	-
Công ty CP VTVcab Nam Định (sở hữu 39%) (iii)	8.203.340.000	-	8.203.340.000	-
	<u>137.478.340.000</u>	<u>-</u>	<u>8.203.340.000</u>	<u>-</u>

(i) Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI

Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI ("VTV-HYUNDAI") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313572904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 12 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 3) ngày 27 tháng 12 năm 2016. Vốn điều lệ của VTV-HYUNDAI là 420.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương với 20.000.000 Đô la Mỹ. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 25% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTV-HYUNDAI là sản xuất phim, chương trình truyền hình. Trong năm, Tổng Công ty đã góp vốn vào VTV-HYUNDAI bằng phí sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn tám năm từ ngày 1 tháng 3 năm 2016 đến ngày 29 tháng 2 năm 2024.

(ii) Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện

Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện ("Smart Media") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 19 tháng 4 năm 2016. Vốn điều lệ của Smart Media là 90.000.000.000 Đồng Việt Nam. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 20% vốn điều lệ. Ban đầu, Smart Media là công ty liên kết của Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV"). Trong năm 2016, VTV đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Smart Media cho VTVcab (Thuyết minh 21). Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Smart Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng; tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất và mua bán các sản phẩm quảng cáo; cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng; dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực truyền thông, quảng cáo; mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin.

(iii) Công ty CP VTVcab Nam Định

Công ty CP VTVcab Nam Định ("VTVcab Nam Định") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 6 năm 2005 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 6 tháng 10 năm 2015. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 Đồng Việt Nam. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 39% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào các công ty con của Công ty TNHH Thương mại TC	-	-	76.985.587.000	(58.176.634.688)

Đầu tư vào các công ty con của công ty TNHH Thương mại TC liên quan tới hai hợp đồng là i) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp; và ii) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh cùng ký vào ngày 31 tháng 8 năm 2013 giữa VTVcab và Công ty TNHH Thương mại TC ("TC").

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn, VTVcab mua lại 70% vốn đầu tư của TC tại 5 công ty con của TC tại Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Sóc Trăng, và Huế, bao gồm 70% vốn đầu tư mạng truyền hình cáp của TC tại các công ty con này. Các công ty con của TC đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cập nhật VTVcab là thành viên có vốn góp 70% vốn điều lệ. Ngày 31 tháng 12 năm 2013, VTVcab và TC đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn này trong đó nêu rõ các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng và không bên nào có bất kỳ khiếu nại gì.

Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa VTVcab và TC, hai bên thống nhất giải thể các công ty con và toàn bộ vốn góp tương ứng với vốn đầu tư tài sản mạng truyền hình cáp sẽ được hai bên chuyển vào chi nhánh VTVcab tại địa bàn để hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản mạng để hợp tác đầu tư chưa được thực hiện do các công ty con chưa được giải thể xong. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2013 và ngày 31 tháng 10 năm 2013, hai bên ký các biên bản thỏa thuận về việc phối hợp hoàn tất các thủ tục để tiến hành giải thể các công ty con và trong thời gian bắt đầu từ thời điểm chuyển nhượng cho đến khi các công ty con giải thể xong thì TC vẫn nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con này và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động cũng như các khoản công nợ của các công ty con này cho đến khi các công ty con được chính thức giải thể xong.

Trong năm 2016, các công ty con của TC tại các địa bàn Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận đã chính thức giải thể xong. Công ty con của TC tại địa bàn Huế hoàn thành thủ tục giải thể tại ngày 6 tháng 3 năm 2017, còn công ty con của TC tại địa bàn Sóc Trăng về cơ bản cũng đã hoàn thành các thủ tục giải thể. Các mạng truyền hình cáp đã được bàn giao cho VTVcab vận hành, quản lý. Do đó, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá và ghi nhận tài sản được bàn giao (theo giá trị được bên thứ ba thẩm định lại) là tài sản thuộc sở hữu của VTVcab, đồng thời ghi giảm khoản mục đầu tư vào đơn vị khác và các khoản dự phòng đã lập trước đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã mua lại 30% mạng truyền hình cáp còn lại từ TC tại ba địa bàn đã giải thể là Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản và bàn giao toàn bộ tài sản mạng truyền hình cáp cho các chi nhánh để theo dõi và hạch toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Bên thứ ba	154.274.007.008	175.231.377.304
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty CP Chuỗi thực phẩm TH	-	23.717.850.000
- Công ty CP Truyền thông Bóng đá Việt Nam	22.320.840.000	17.200.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	19.512.361.671	23.952.329.747
	<u>173.786.368.679</u>	<u>199.183.707.051</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.552.241.886)	(20.323.601.068)
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam (bên liên quan)	(13.114.972.727)	(18.687.272.727)

Biến động về dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	20.323.601.068	39.913.331.834
Tăng dự phòng	2.800.940.818	114.025.000
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi (*)	(5.572.300.000)	(19.703.755.766)
Số dư cuối năm	<u>17.552.241.886</u>	<u>20.323.601.068</u>

(*) Đây là khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam. Số tiền 5.572.300.000 Đồng Việt Nam đã được công ty này thanh toán cho VTCab trong năm 2016.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Bên thứ ba	42.109.180.440	38.120.842.190
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Thương mại TC	12.219.475.447	12.219.475.447
- Công ty CP Điện ảnh truyền hình	7.889.800.000	-
- Công ty CP Tập đoàn HIPT	7.717.915.260	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	186.402.994	-
	<u>42.295.583.434</u>	<u>38.120.842.190</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Bên thứ ba		
Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh (*)	48.742.661.888	34.175.149.630
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.279.311.600	1.169.611.600
Tạm ứng	1.168.436.596	2.325.715.670
Phải thu khác	9.046.570.893	11.795.644.437
	<u>60.236.980.977</u>	<u>49.466.121.337</u>
 Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	 2.583.749.763	 9.649.788.753
	<u>62.820.730.740</u>	<u>59.115.910.090</u>

(*) Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải thu liên quan tới lợi nhuận được chia từ các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các bên đối tác hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Góp vốn các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	28.597.921.280	28.597.921.280
Ký quỹ, ký cược	736.409.600	756.909.600
	<u>29.334.330.880</u>	<u>29.354.830.880</u>

(*) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty chuyển cho các đối tác để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.7(d)).

Chi tiết các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với các đơn vị khác được trình bày như sau:

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An (Nghệ An)	9.286.774.536	9.286.774.536
Công ty Đa truyền thông Quốc tế (Hà Tĩnh)	5.105.450.000	5.105.450.000
Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông Hải Phòng (EG – Hải Phòng)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Điện tử Thái Bình (Thái Bình)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV THC Hải Dương (Hải Dương)	3.976.158.921	3.976.158.921
Công ty CP Minh Trí (Quảng Ninh)	2.950.866.511	2.950.866.511
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Nhật Tân (Bà Rịa - Vũng Tàu)	278.671.312	278.671.312
	<u>28.597.921.280</u>	<u>28.597.921.280</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	1.096.579.730	-	86.383.300	-
Nguyên vật liệu tồn kho	248.111.855.174	(431.319.019)	154.694.194.155	(156.206.795)
Công cụ, dụng cụ trong kho	8.101.459.989	-	8.084.805.239	-
Hàng hóa	103.395.119.349	(264.269.010)	146.552.207.704	(264.269.010)
Hàng gửi bán	5.905.750.000	-	10.856.021.009	-
	<u>366.610.764.242</u>	<u>(695.588.029)</u>	<u>320.273.611.407</u>	<u>(420.475.805)</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	76.177.472.385	25.929.447.838
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.844.631.239	2.164.502.805
Chi phí thuê văn phòng	5.270.566.239	2.813.009.435
Chi phí khác	5.733.702.756	5.527.705.352
	<u>91.026.372.619</u>	<u>36.434.665.430</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Lợi thế thương mại (*)	229.761.692.010	200.726.455.321
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	79.179.925.602	50.808.451.182
Đầu thu SD, HD	130.573.276.176	53.922.393.770
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.708.716.586	8.140.927.097
Chi phí khác	24.391.983.613	15.233.079.367
	<u>485.615.593.987</u>	<u>328.831.306.737</u>

(*) Lợi thế thương mại: phát sinh từ việc VTCab mua lại các mạng truyền hình cáp bao gồm các tài sản cố định và số thuê bao truyền hình cáp của các mạng truyền hình cáp đó. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa số tiền mà VTCab đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản được đánh giá lại. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	200.726.455.321	220.630.626.269
Tăng trong năm (**)	57.910.503.777	4.158.520.657
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 28)	(28.875.267.088)	(24.062.691.605)
Số dư cuối năm	<u>229.761.692.010</u>	<u>200.726.455.321</u>

(**) Tăng trong năm của lợi thế thương mại là khoản phát sinh từ việc mua lại hệ thống mạng truyền hình cáp của Công ty TNHH Truyền hình cáp Alpha Quảng Ninh tại chi nhánh Quảng Ninh và việc mua lại 30% hệ thống mạng truyền hình cáp của các công ty con TC đã giải thể tại địa bàn Trà Vinh, Đồng Tháp và Bình Thuận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	26.369.314.066	1.287.328.571.251	11.471.516.206	22.251.765.044	1.347.421.166.567
Tăng do nhận bàn giao sau khi giải thể các công ty con của TC (Thuyết minh (4(c)))	-	15.501.598.382	-	-	15.501.598.382
Mua mới trong năm	68.824.639	96.896.680.259	4.921.152.726	2.130.836.994	104.017.494.618
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	-	221.876.407.534	-	97.450.000	221.973.857.534
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.438.138.705	1.621.603.257.426	16.392.668.932	24.480.052.038	1.688.914.117.101
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(2.339.045.024)	(806.834.035.565)	(7.805.631.956)	(5.921.549.884)	(822.900.262.429)
Khấu hao trong năm	(1.152.248.255)	(256.982.250.286)	(1.686.505.556)	(4.258.395.926)	(264.079.400.023)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(3.491.293.279)	(1.063.816.285.851)	(9.492.137.512)	(10.179.945.810)	(1.086.979.662.452)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	24.030.269.042	480.494.535.686	3.665.884.250	16.330.215.160	524.520.904.138
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	22.946.845.426	557.786.971.575	6.900.531.420	14.300.106.228	601.934.454.649

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 743.001.540.974 Đồng Việt Nam (2015: 457.271.944.590 Đồng Việt Nam).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.252.780.000	40.073.529.959	43.326.309.959
Mua mới trong năm	-	13.288.583.630	13.288.583.630
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	-	7.633.186.509	7.633.186.509
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.252.780.000	60.995.300.098	64.248.080.098
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	(16.892.270.244)	(16.892.270.244)
Khấu hao trong năm	-	(15.370.330.248)	(15.370.330.248)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(32.262.600.492)	(32.262.600.492)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.252.780.000	23.181.259.715	26.434.039.715
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.252.780.000	28.732.699.606	31.985.479.606

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 12.784.887.282 Đồng Việt Nam (2015: 4.316.262.634 Đồng Việt Nam).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt các mạng truyền hình cáp mà VTVcab đang tiến hành xây dựng.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	156.343.920.740	146.600.321.410
Tăng từ mua sắm và xây dựng cơ bản	209.254.769.582	227.670.244.715
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(221.973.857.534)	(217.926.645.385)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(b))	(7.633.186.509)	-
Số dư cuối năm	135.991.646.279	156.343.920.740

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
12 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số dư của thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm cuối năm như sau:

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	515.956.723	12.004.987.021

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	12.004.987.021	3.665.843.158
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	(11.489.030.298)	8.339.143.863
Số dư cuối năm	515.956.723	12.004.987.021

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh chủ yếu từ các khoản dự phòng của Tổng Công ty bao gồm dự phòng các khoản đầu tư tài chính và dự phòng trợ cấp thôi việc.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Bên thứ ba	443.200.119.002	455.671.622.046
Chi tiết các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:		
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	21.056.632.012	51.784.169.711
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	84.977.387.473	67.053.985.116
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	46.508.758.391	27.314.657.749
	489.708.877.393	482.986.279.795
(b) Dài hạn		
Bên thứ ba	179.029.247.690	217.643.025.735
Chi tiết các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:		
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	132.213.079.240	37.621.408.308
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	10.513.800.000	36.713.600.000
- Công ty TNHH Đầu tư TM và Dịch vụ Long Hưng	-	30.925.258.147
- Công ty CP Công nghệ và Truyền hình - Tekcast	19.590.868.450	27.858.614.450
- Công ty TNHH Kaon Media	-	15.920.269.090

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Bên thứ ba (*)	171.902.120.568	214.763.090.277
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b)) (**)	17.503.287.851	6.701.628.030
	<u>189.405.408.419</u>	<u>221.464.718.307</u>
(b) Dài hạn		
Bên thứ ba (*)	10.910.727.299	13.919.381.438
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b)) (**)	106.006.297.356	-
	<u>116.917.024.655</u>	<u>13.919.381.438</u>

(*) Khoản mục này chủ yếu bao gồm số tiền trả trước của các thuê bao truyền hình cáp và truyền hình kỹ thuật số.

(**) Khoản mục này chủ yếu bao gồm phí sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà theo hợp đồng sử dụng bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà số 01/2016/HĐSDBQKT/VTVCab-VTV-HYUNDAI mà VTVCab dùng làm tài sản góp vốn vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (Thuyết minh 4(b)).

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.818.795.564
Thuế GTGT	2.150.479.005	2.544.950.283
Khác	-	32.008.047
	<u>2.150.479.005</u>	<u>12.395.753.894</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Chuyển sang từ phải nộp VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(a) Phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	1.128.433.102	-	-	(380.794.032)	747.639.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	16.995.944.381	16.995.944.381
	<u>1.128.433.102</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.615.150.349</u>	<u>17.743.583.451</u>
	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Chuyển sang từ phải thu VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	2.544.950.283	50.096.718.668	(50.491.189.946)	-	2.150.479.005
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.873.146.484	(4.492.352.452)	(380.794.032)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.818.795.564	1.698.045.863	(28.512.785.808)	16.995.944.381	-
Khác	32.008.047	18.025.387.124	(18.057.395.171)	-	-
	<u>12.395.753.894</u>	<u>74.693.298.139</u>	<u>(101.553.723.377)</u>	<u>16.615.150.349</u>	<u>2.150.479.005</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba		
Chi phí bản quyền	7.426.153.141	8.133.037.231
Chi phí quảng cáo	1.319.399.709	8.711.618.423
Chi phí sản xuất chương trình	3.645.090.909	5.724.200.003
Lãi vay	1.770.101.625	1.177.560.532
Chi phí phải trả khác	8.192.219.927	13.875.220.581
	<u>22.352.965.311</u>	<u>37.621.636.770</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))		
Chi phí bản quyền	-	1.143.736.363
Chi phí phải trả khác	-	255.434.547
	<u>-</u>	<u>1.399.170.910</u>
	<u>22.352.965.311</u>	<u>39.020.807.680</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba:		
Phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh (i)	25.307.201.102	23.782.119.639
Khác (ii)	46.985.469.127	33.861.684.967
	<u>72.292.670.229</u>	<u>57.643.804.606</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b)) (iii)	54.711.008.226	461.963.945
	<u>127.003.678.455</u>	<u>58.105.768.551</u>

- (i) Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải trả liên quan tới lợi nhuận VTCab phân chia cho các bên hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.
- (ii) Số dư bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại TC số tiền là 19.239.136.416 Đồng Việt Nam chủ yếu để mua lại 30% mạng truyền hình cáp của các công ty con TC tại các địa bàn đã giải thể (Thuyết minh 4(c)).
- (iii) Khoản mục này chủ yếu là số dư phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV") liên quan đến việc phân phối lợi nhuận của năm 2015 và 2016 về VTV theo quyết định số 877/QĐ-THVN ngày 29 tháng 6 năm 2016 và tờ trình tạm phân phối lợi nhuận ngày 22 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác là các khoản góp vốn của các đối tác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho Tổng Công ty để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.7(d)).

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa (Thanh Hóa, Thái Nguyên, Phú Thọ)	5.486.977.045	5.486.977.045
Công ty CP Phát triển công nghệ Sao Nam (Thái Nguyên)	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ (Bắc Giang)	3.845.298.115	3.845.298.115
Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ (Bắc Giang, Ninh Bình)	7.081.297.099	7.081.297.099
Công ty TNHH Văn Minh Diễn Châu (Nghệ An)	895.221.223	-
	<u>18.508.793.482</u>	<u>17.613.572.259</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

18 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Nợ dài hạn đến hạn trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (*)	182.825.244.619	325.861.490.972	(291.043.049.292)	183.308.743.925	400.952.430.224
(b) Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (**)	179.585.385.867	301.505.549.659	(7.634.919.089)	(183.308.743.925)	290.147.272.512

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay không quá 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay. Các khoản vay có thời hạn vay dưới một năm và có mức lãi suất từ 5,5% đến 7,7% mỗi năm.

(**) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chủ yếu được đảm bảo bởi các tài sản hình thành từ vốn vay, doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay và cổ phần của Tổng Công ty tại công ty con. Các khoản vay có mức lãi suất/năm từ 6,5% đến 9,4% được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm (12 hoặc 24 tháng) hoặc lãi suất cho vay dành cho doanh nghiệp (3 tháng) cộng thêm 1,2% đến 2,5% tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>36.171.292.544</u>	<u>62.828.265.031</u>

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	62.828.265.031	54.500.297.970
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 21)	33.915.701.213	63.072.607.765
Điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 21)	-	709.742.235
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi để chuyển lợi nhuận về VTV và trích quỹ đầu tư phát triển (*)	(32.688.757.765)	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(27.883.915.935)</u>	<u>(55.454.382.939)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>36.171.292.544</u>	<u>62.828.265.031</u>

(*) Năm 2015, Tổng Công ty đã tạm trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 63.072.607.765 theo Tờ trình ngày 26 tháng 2 năm 2016 được phê duyệt bởi Chủ tịch Tổng Công ty. Tuy nhiên, theo Quyết định số 877/QĐ-THVN ngày 29 tháng 6 năm 2016, Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV") đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Tổng Công ty. Căn cứ vào quyết định này, trong năm 2016, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi để trích quỹ đầu tư phát triển và chuyển lợi nhuận về Đài Truyền hình Việt Nam với số tiền lần lượt là 2.688.757.765 Đồng Việt Nam, 30.000.000.000 Đồng Việt Nam (Thuyết minh 21).

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã trả cho Đài Truyền hình Việt Nam số tiền là 15.000.000.000 Đồng Việt Nam.

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp
	VNĐ	%	VNĐ
Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV")	<u>458.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>458.000.000.000</u>

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 26 tháng 6 năm 2012 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 458.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được góp đủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

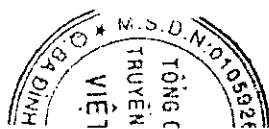
Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	440.000.000.000	8.914.796.420	-	448.914.796.420
Lợi nhuận trong năm	-	-	62.798.288.363	62.798.288.363
Chia lỗ các năm trước cho đơn vị hợp tác kinh doanh liên quan đến hợp đồng BCC	-	-	274.319.402	274.319.402
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(63.072.607.765)	(63.072.607.765)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	440.000.000.000	8.914.796.420	-	448.914.796.420
Điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước (i)				
- Tăng lợi nhuận (ròng)	-	-	2.605.708.572	2.605.708.572
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(709.742.235)	(709.742.235)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.895.966.337	(1.895.966.337)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 (sau điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước)	440.000.000.000	10.810.762.757	-	450.810.762.757
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích năm 2015 (Thuyết minh 19)	-	-	32.688.757.765	32.688.757.765
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 19)	-	2.688.757.765	(2.688.757.765)	-
Chuyển lợi nhuận năm 2015 về Đài truyền hình Việt Nam (Thuyết minh 19)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Chia lỗ các năm trước cho đơn vị hợp tác kinh doanh liên quan đến hợp đồng BCC	-	-	3.473.462.082	3.473.462.082
Vốn tăng trong năm (ii)	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	68.588.977.396	68.588.977.396
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016 (Thuyết minh 19) (iii)	-	-	(33.915.701.213)	(33.915.701.213)
Trích quỹ đầu tư phát triển cho năm 2016 (iii)	-	1.506.738.265	(1.506.738.265)	-
Chuyển lợi nhuận năm 2016 về Đài truyền hình Việt Nam (iii)	-	-	(36.640.000.000)	(36.640.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	458.000.000.000	15.006.258.787	-	473.006.258.787



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (i) Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra trong năm 2016 cho mục đích cổ phần hóa. Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính. Chi tiết các khoản mục được điều chỉnh theo các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước được trình bày trong Thuyết minh 32.
- (ii) Theo Quyết định số 228/QĐ-THVN ngày 25 tháng 2 năm 2016 và biên bản chuyển giao vốn ngày 30 tháng 3 năm 2016, Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV") đã chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện ("Smart Media"), tương đương 18.000.000.000 Đồng Việt Nam, sang cho Tổng Công ty. Theo đó, vốn góp của VTV tại Tổng Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 5 năm 2016 đã cập nhật việc tăng vốn điều lệ này của Tổng Công ty. Smart Media trở thành công ty liên kết của VTVcab (Thuyết minh 4(a)).
- (iii) Theo tờ trình tạm phân phối lợi nhuận ngày 22 tháng 3 năm 2017, Chủ tịch Tổng Công ty đã phê duyệt việc tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chuyển lợi nhuận về VTV từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền lần lượt là 1.506.738.265 Đồng Việt Nam, 33.915.701.213 Đồng Việt Nam và 36.640.000.000 Đồng Việt Nam.

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm số ngoại tệ 8.886 Đô la Mỹ và 34 Đồng Euro (2015: 20.322 Đô la Mỹ và 67 Đồng Euro).

23 DOANH THU

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	14.902.345.822	19.946.518.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	2.133.854.999.359	1.808.019.727.983
Doanh thu được chia từ các hợp đồng BCC	168.301.645.638	177.979.468.912
Doanh thu chia đi từ các hợp đồng BCC	(260.951.896.217)	(167.202.270.304)
	<u>2.056.107.094.602</u>	<u>1.838.743.445.072</u>
Các khoản giảm trừ	<u>(11.065.199.435)</u>	<u>(1.320.295.118)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>2.045.041.895.167</u>	<u>1.837.423.149.954</u>

(*) Doanh thu cung cấp dịch vụ internet tính Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích là 34.299.512.382 Đồng Việt Nam (2015: 15.070.636.028 Đồng Việt Nam).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí hàng hóa đã bán	14.364.490.706	15.334.733.920
Chi phí dịch vụ đã cung cấp	1.374.267.527.928	1.227.833.684.043
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	77.188.825.569	76.797.706.444
	<u>1.465.820.844.203</u>	<u>1.319.966.124.407</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Cổ tức nhận được từ các bên liên quan (Thuyết minh 31(a))	19.387.075.240	18.338.727.500
Lãi tiền gửi	1.140.783.154	2.218.851.083
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	497.304.240	55.185.370
Khác	-	190.937.970
	<u>21.025.162.634</u>	<u>20.803.701.923</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí lãi vay	39.126.861.703	21.366.529.701
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.995.762	3.764.826.361
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	447.097.010	2.842.471.786
(Hoàn nhập dự phòng)/ trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 4(c))	(760.626.070)	58.176.634.688
	<u>38.945.328.405</u>	<u>86.150.462.536</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí quảng cáo	128.546.251.983	120.815.717.196
Chi phí nhân viên	39.959.258.397	32.773.651.413
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	(3.133.705.862)	(959.102.076)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.565.707.173	12.993.909.282
Khác	5.651.202.623	2.547.400.414
	<u>196.588.714.314</u>	<u>168.171.576.229</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	90.464.940.588	86.555.937.306
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.696.799.470	50.072.237.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng mua tài sản (Thuyết minh 9)	28.875.267.088	24.062.691.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.336.777.666	36.373.399.666
Đồ dùng thiết bị văn phòng	20.889.807.763	14.834.609.649
Chi phí công tác, hội thảo và đào tạo	13.048.414.326	11.139.253.083
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.771.359.182)	(19.589.730.766)
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	(14.404.079.521)	(15.135.010.940)
Khác	26.024.498.756	18.624.077.893
	<u>283.161.066.954</u>	<u>206.937.464.496</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty trong năm được trình bày như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.019.331.592	80.610.595.342
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	16.403.866.318	17.734.330.976
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.877.398.363)	(4.227.050.811)
Chi phí không được khấu trừ	903.886.241	272.269.061
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất	-	1.427.049.181
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>13.430.354.196</u>	<u>15.206.598.407</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh:

Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	1.796.513.231	23.341.900.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp - phân chia từ đối tác liên quan tới các hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC	144.810.667	203.842.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 12)	11.489.030.298	(8.339.143.863)
	<u>13.430.354.196</u>	<u>15.206.598.407</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nguyên vật liệu	136.791.883.186	177.619.305.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.449.730.271	259.583.811.626
Chi phí nhân viên	318.675.125.734	291.637.087.535
Chi phí bản quyền và sản xuất chương trình	560.372.215.675	409.597.692.968
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	150.957.045.043	165.451.527.668
Chi phí phân chia liên quan đến hợp đồng BCC	59.651.040.186	60.703.593.428
Chi phí thuê (cột điện, đường truyền, văn phòng...)	224.439.376.290	160.927.705.661
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng mua tài sản	28.875.267.088	24.062.691.605
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.771.359.182)	(19.589.730.766)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.458.628.083	91.051.199.500
Chi phí khác	80.671.673.097	74.030.280.767
	<u>1.945.570.625.471</u>	<u>1.695.075.165.132</u>

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV"), đơn vị sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty trong năm như sau:

Công ty	Quan hệ
Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV")	Công ty mẹ
Ban Biên tập Truyền hình cáp	Thành viên VTV
Trung tâm quảng cáo Đài Truyền hình Việt Nam	Thành viên VTV
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam ("VSTV")	Công ty con thuộc VTV
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist ("SCTV")	Công ty liên doanh của VTV
Công ty CP Công nghệ Việt Thành ("VITA")	Công ty con
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam ("VTVlive")	Công ty con
Công ty CP VTCab Nam Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI ("VTV-HYUNDAI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện ("Smart Media")	Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	13.609.159.910	2.530.306.184
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	4.209.564.140	4.418.082.162
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	17.322.829.500	8.579.807.272
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	42.119.880.548	41.488.080.937
Công ty CP VTVcab Nam Định	6.756.714.384	16.507.410.796
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	11.746.145.830	-
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Trung tâm quảng cáo Đài Truyền hình Việt Nam	1.214.445.455	1.106.836.362
Ban Biên tập Truyền hình cáp	83.446.927.660	74.513.863.517
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	84.928.693.392	19.013.625.892
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	20.575.227.075	9.004.263.136
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	34.827.614.093	41.694.263.637
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	37.079.333.267	54.600.365.032
Công ty CP VTVcab Nam Định	-	4.823.687.407
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	356.772.727	-
<i>Cổ tức được chia (Thuyết minh 25)</i>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	16.643.732.776	17.870.316.786
Công ty CP VTVcab Nam Định	2.297.092.464	468.410.714
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	446.250.000	-
	19.387.075.240	18.338.727.500
<i>Chuyển lợi nhuận cho chủ sở hữu (Thuyết minh 21)</i>		
Đài Truyền hình Việt Nam	66.640.000.000	-
<i>Góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))</i>		
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	18.000.000.000	-
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	111.275.000.000	-
	129.275.000.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.678.593.500	2.988.000.000
Các giao dịch khác		
Đài Truyền hình Việt Nam	83.800.000	-
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	4.856.485.519	9.625.870.212
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	-	255.434.547

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	15.239.572.727	18.687.272.727
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	2.673.611.111	2.747.555.506
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành	376.500.000	257.586.000
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	1.107.333.333	1.533.105.014
Công ty CP VTCab Nam Định	115.344.500	726.810.500
	19.512.361.671	23.952.329.747

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)

Công ty CP Công nghệ Việt Thành	186.402.994	-
---------------------------------	-------------	---

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))

Công ty CP Công nghệ Việt Thành	286.815.123	9.381.378.038
Công ty CP VTCab Nam Định	2.296.934.640	268.410.715
	2.583.749.763	9.649.788.753

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13(a))

Ban Biên tập Truyền hình cáp	31.291.620.426	13.894.946.775
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	1.926.578.870	2.072.958.603
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	11.713.892.500	9.689.775.500
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	-	772.194.623
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	1.576.666.595	884.782.248
	46.508.758.391	27.314.657.749

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Người mua trả tiền trước - ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	550.550.000	-
Công ty CP VTVcab Nam Định	13.059.819	-
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	13.909.374.996	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	3.030.303.036	6.701.628.030
	<u>17.503.287.851</u>	<u>6.701.628.030</u>
Người mua trả tiền trước - dài hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	<u>106.006.297.356</u>	<u>-</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	-	1.143.736.363
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	-	255.434.547
	<u>-</u>	<u>1.399.170.910</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17(a))		
Đài Truyền hình Việt Nam	51.823.780.000	30.000
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	771.396.752	-
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	2.115.525.924	461.839.345
Công ty CP VTVcab Nam Định	305.550	94.600
	<u>54.711.008.226</u>	<u>461.963.945</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm 2016, báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra cho mục đích cổ phần hóa. Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính riêng. Do đó, số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại để phản ánh những điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Tại ngày 31.12.2015 (Theo báo cáo trước đây) VNĐ	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VNĐ	Tại ngày 1.1.2016 (Trình bày lại) VNĐ
136	Phải thu ngắn hạn khác	58.566.798.291	549.111.799	59.115.910.090
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.181.477.552	(53.044.450)	1.128.433.102
261	Chi phí trả trước dài hạn	326.342.772.908	2.488.533.829	328.831.306.737
270	Tổng tài sản	1.998.535.887.741	2.984.601.178	2.001.520.488.919
313	Thuế và các khoản phải nộp ngắn sách Nhà nước	11.660.810.450	734.943.444	12.395.753.894
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	39.376.858.518	(356.050.838)	39.020.807.680
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.118.522.796	709.742.235	62.828.265.031
418	Quỹ đầu tư phát triển	8.914.796.420	1.895.966.337	10.810.762.757
440	Tổng nguồn vốn	1.998.535.887.741	2.984.601.178	2.001.520.488.919

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.837.626.210.757	1.117.234.315	1.838.743.445.072
11	Giá vốn hàng bán	(1.319.701.008.279)	(265.116.128)	(1.319.966.124.407)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(209.425.998.325)	2.488.533.829	(206.937.464.496)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(22.810.798.826)	(734.943.444)	(23.545.742.270)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.798.288.363	2.605.708.572	65.403.996.935

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

32 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Trình bày lại VND
01	Lợi nhuận trước thuế	77.269.943.326	3.340.652.016	80.610.595.342
09	Tăng các khoản phải thu	(109.401.702.595)	(496.067.349)	(109.897.769.944)
11	Tăng các khoản phải trả	157.946.667.119	(356.050.838)	157.590.616.281
12	Tăng chi phí trả trước	(1.120.606.528)	(2.488.533.829)	(3.609.140.357)

Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước chủ yếu liên quan đến việc phân bổ lại lợi thế thương mại theo thời hạn 10 năm để phù hợp với nguyên tắc kế toán các khoản lợi thế thương mại và các điều chỉnh phân chia doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng BCC sau khi quyết toán với các bên đối tác. Theo đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân chia các quỹ trong năm 2015 cũng được điều chỉnh tương ứng.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Lãnh đạo Tổng Công ty duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Nguyễn Hoàng Giang
Người lập

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng

Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc

